

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH NGUỘC

**VAI TRÒ CỦA CÔNG CỤ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG  
TRONG VIỆC THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT  
HÀNG TIÊU DÙNG PHÁT TRIỂN.**

*(Lấy Thành phố Hà Nội làm ví dụ)*

L75883

Chuyên ngành: *Kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa*

Mã số                   : 5.02.01

**TÓM TẮT  
LUẬN ÁN PHÓ TIẾN SỸ KHOA HỌC KINH TẾ**

Hà nội - 1996

LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

**Người hướng dẫn khoa học:**

**1. PGS. PTS. NGUYỄN VĂN KỶ**

**2. PGS. PTS. NGUYỄN VĂN NAM**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Phản biện 3:**

*Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Nhà nước,  
họp tại Hội trường số 7 Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh  
vào hồi giờ, ngày tháng 12 năm 1996.*

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

**-Thư viện quốc gia**

**-Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1- Tính cấp thiết của đề tài luận án

Với dân số hơn 75 triệu và tăng trưởng kinh tế bình quân hơn 8% trong mấy năm gần đây, nhu cầu về hàng tiêu dùng ở nước ta đã tăng lên đáng kể cả về số lượng và chất lượng. Nhưng hiện tại công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (CNSXHTD) của nước ta chưa đáp ứng được. Cho nên nhiều mặt hàng tiêu dùng phải nhập khẩu vào nước ta theo những con đường khác nhau. Để giải quyết vấn đề này phải phát triển CNSXHTD với mục tiêu đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu. Nhưng phần lớn các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta hiện nay đều trong tình trạng kỹ thuật, công nghệ lạc hậu, sản phẩm sản xuất ra chất lượng kém, giá thành cao nên khả năng cạnh tranh thấp. Yêu cầu cấp bách hiện nay là huy động mọi nguồn vốn, đặc biệt là vốn trung và dài hạn để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại hoá. Do đó, sử dụng có hiệu quả công cụ tài chính, tín dụng ngân hàng có tác động thúc đẩy đầu tư phát triển CNSXHTD.

Nền kinh tế thị trường ở nước ta đang trong quá trình mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới. Sản xuất hàng tiêu dùng có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh, đứng vững và giành thắng lợi trên thương trường trong nước và ngoài nước là yêu cầu cấp thiết để tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao ở nước ta trong thời gian tới.

Phát triển CNSXHTD tạo điều kiện khai thác tốt hơn nguồn nhân lực, nguyên, nhiên, vật liệu trong nước, phát triển các ngành sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như nông - lâm - ngư nghiệp,... giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNHĐH) đất nước.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ

thuật và giao dịch quốc tế của cả nước. Hà nội tập trung nhiều khu công nghiệp với các xí nghiệp CNSXHTD một thời có uy tín trong cả nước; có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ sư, công nhân kỹ thuật và thợ lành nghề đông đảo là điều kiện thuận lợi để phát triển CNSXHTD. Phát huy vị thế và lợi thế của Thủ đô, khai thác tiềm năng, thế mạnh của vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp rộng lớn của các tỉnh phía Bắc để sản xuất hàng hoá đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương, các tỉnh - thành phố phía Bắc, của nhân dân cả nước và xuất khẩu. Đó là *một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay mà việc tháo gỡ cần phải sử dụng có hiệu quả vai trò công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng để thúc đẩy phát triển CNSXHTD* trên địa bàn Hà nội theo hướng CNHĐH. Đề tài được chọn làm luận án Phó tiến sỹ khoa học kinh tế là trên ý nghĩa đó.

## **2 - Tình hình nghiên cứu đề tài.**

Vai trò của công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường đã có nhiều công trình nghiên cứu khác nhau trên cả hai tầm vĩ mô và vi mô. Song, vai trò của công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng trong một ngành hẹp - các doanh nghiệp CNSXHTD trên một địa bàn cụ thể chưa được nghiên cứu. Xuất phát từ những lý do đó, tác giả đã chọn đề tài: "*Vai trò công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng trong việc thúc đẩy công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phát triển (lấy thành phố Hà nội làm ví dụ)*" làm hướng nghiên cứu.

## **3 - Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.**

Mục đích của luận án là làm rõ vai trò của công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng và tìm ra những giải pháp chủ yếu về đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng nhằm thúc đẩy phát triển CNSXHTD trên địa bàn Hà nội, đồng thời xem xét khả năng vận dụng các giải pháp được nêu trong luận án trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện mục đích trên, luận án có nhiệm vụ:

- Hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về tài chính, tín dụng và vai trò của

nó đối với CNSXHTD.

- Phân tích thực trạng đầu tư tài chính, tín dụng đối với CNSXHTD trên địa bàn Hà Nội và định hướng của nó trong những năm tới.

- Nêu lên những giải pháp chủ yếu về đầu tư tài chính và tín dụng ngân hàng nhằm thúc đẩy phát triển CNSXHTD trên địa bàn Hà Nội. Từ đó, kiến nghị những giải pháp chủ yếu về đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng nhằm phát triển CNSXHTD theo hướng CNHHĐH, mở cửa, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

#### **4 - Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu vai trò của tài chính, tín dụng đối với sự phát triển CNSXHTD, chủ yếu thuộc khu vực kinh tế Nhà nước.

- Phạm vi nghiên cứu của luận án:

. Không nghiên cứu tất cả các tác động của tài chính mà chủ yếu nghiên cứu dưới góc độ đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp CNSXHTD thuộc khu vực kinh tế Nhà nước.

. Chỉ nghiên cứu tác động của đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng thúc đẩy phát triển CNSXHTD thuộc khu vực kinh tế Nhà nước.

. Nghiên cứu tác động của đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng đối với phát triển CNSXHTD trên địa bàn Hà Nội. Từ đó rút ra những nhận xét về vai trò của công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng đối với việc thúc đẩy phát triển CNSXHTD ở nước ta, đặc biệt là trên địa bàn Hà Nội.

- Về thời gian: Chỉ nghiên cứu vấn đề đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng trong điều kiện hiện nay và các giải pháp trong thời kỳ từ nay đến năm 2000.

#### **5- Phương pháp nghiên cứu:**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu: duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trên cơ sở các học thuyết kinh tế, đặc biệt là học thuyết kinh tế Mác - Lê nin; sử dụng phương pháp trừu tượng hoá, khái quát hoá, so

sánh và tổng hợp; sử dụng số liệu thống kê và các mô hình ước lượng để luận chứng.

#### **6- Những đóng góp mới của luận án.**

- Dưới góc độ của kinh tế chính trị, luận án hệ thống hoá những lý luận cơ bản về đầu tư tài chính - tín dụng và vai trò của nó đối với ngành CNSXHTD, phù hợp với đặc điểm vốn có của ngành CNSXHTD.

- Đưa ra được những đánh giá xác đáng về thực trạng đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng đối với ngành CNSXHTD trên địa bàn Hà nội, tìm ra những vấn đề bức xúc cần được giải quyết.

- Xây dựng phương hướng và những giải pháp chủ yếu về đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng để thúc đẩy phát triển CNSXHTD trong thời gian tới trên địa bàn Hà nội và ở nước ta.

#### **7- Kết cấu của luận án:**

Luận án có 147 trang; ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung được chia thành 3 chương, 7 tiết với 21 bảng, 6 đồ thị, 2 sơ đồ, 2 bản đồ.

### **NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LUẬN ÁN**

#### **Chương 1**

### **ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở NƯỚC TA.**

#### **1.1- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và nhu cầu vốn đầu tư.**

*1.1.1- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và những đặc điểm chủ yếu của nó.*

Mở đầu chương, luận án đã khái quát cách phân chia các ngành kinh tế theo nghị định số 75/CP ngày 27/10/93 của Chính phủ. Sau khi đưa ra khái niệm về hàng công nghiệp tiêu dùng, luận án đã nêu định nghĩa:

*CNSXHTD là một bộ phận của công nghiệp chuyên sản xuất hàng hoá công nghiệp tiêu dùng nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của con người ở*

*những mức độ và trình độ khác nhau.*

Luận án đã nêu lên 4 đặc điểm của CNSXHTD trong nền kinh tế thị trường, đó là:

-CNSXHTD mang *tính đa dạng* về cơ cấu, chủng loại, mẫu mã, màu sắc,...

-CNSXHTD mang *tính nhạy cảm hay tính biến động* do ảnh hưởng của sự biến động về thời gian, chất lượng, thị hiếu tiêu dùng, giá cả thị trường,...

-CNSXHTD mang *tính phổ biến và liên tục* do sản phẩm của nó rất cần thiết trong đời sống của con người, được tiêu dùng hàng ngày.

-CNSXHTD mang *tính quốc tế* xuất phát từ yêu cầu xuất khẩu hàng tiêu dùng nên sản phẩm của nó phải phù hợp với thị hiếu, tập quán của nước nhập khẩu.

### ***1.1.2- Vai trò CNSXHTD trong nền kinh tế quốc dân và với Thủ đô.***

Luận án đã nêu lên 5 vai trò của CNSXHTD, trong đó nổi bật là *cung cấp hàng hoá tiêu dùng với tư cách là cơ sở tất yếu về đời sống của từng người và của toàn xã hội*. CNSXHTD góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta; thực hiện chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu; SXHTD chất lượng cao thay thế hàng nhập khẩu; xuất khẩu hàng tiêu dùng mà nước ta có lợi thế cạnh tranh ra nước ngoài, góp phần cân bằng cán cân thanh toán quốc tế, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, lành mạnh hoá nền tài chính quốc gia.

CNSXHTD phát triển góp phần thực hiện tốt chính sách tiền tệ - tín dụng - ngân hàng; tăng vòng quay vốn qua ngân hàng, tăng nhu cầu vay vốn tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Đối với Thủ đô Hà Nội, phát triển CNSXHTD với vốn đầu tư không lớn, thời gian quay vòng nhanh, tỷ suất lợi nhuận cao, có điều kiện phát huy vị thế của Thủ đô, khai thác mọi nguồn lực, mọi tiềm năng và lợi thế để sản xuất hàng tiêu dùng ngày càng nhiều với chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của nhân dân và xuất khẩu. Phát triển CNSXHTD góp phần chuyển dịch cơ

cấu kinh tế trên địa bàn theo hướng CNHĐHĐH với những khu công nghiệp tập trung kỹ nghệ cao, thu hút thêm nhiều lao động thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của Thủ đô đến năm 2000 .

### ***1.1.3 - Định hướng về nhu cầu vốn đầu tư phát triển CNSXHTD.***

Sau khi nêu xu hướng tiêu dùng của nhân dân, luận án cho rằng nghiên cứu khả năng tiêu dùng của xã hội để quyết định sản xuất các mặt hàng tiêu dùng là cần thiết và quan trọng giúp cho việc tiêu thụ sản phẩm được thuận lợi và đầu tư vốn có hiệu quả. Luận án cũng chỉ ra rằng, đối với CNSXHTD có thể với công nghệ không tiên tiến nhưng nếu biết đầu tư vào các khâu cần thiết quyết định đến chất lượng sản phẩm được thị trường chấp nhận thì chỉ cần đầu tư bổ sung vốn không nhiều vẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với khả năng tài chính của nước ta hiện nay. Vì vậy *cần thiết phải đầu tư chiều sâu, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ*. Do đó, nhu cầu đầu tư bổ sung vốn trung và dài hạn của các doanh nghiệp CNSXHTD tăng, đòi hỏi tài chính, tín dụng ngân hàng phải đáp ứng; *đặc biệt là ngân hàng phải thay đổi cơ cấu vốn đầu tư, tăng tỷ trọng vốn tín dụng trung và dài hạn*.

## **1.2- Công cụ tài chính, tín dụng ngân hàng và vai trò của chúng thúc đẩy phát triển CNSXHTD.**

### ***1.2.1 - Tài chính, công cụ tài chính và vai trò của chúng trong đầu tư phát triển CNSXHTD .***

Sau khi nêu lên *khái niệm về tài chính*, luận án đã *khái quát về chức năng của tài chính và sự vận động của tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường*. Quan niệm trước đây cho rằng tài chính chỉ là những quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình phân chia tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân thành các quỹ tập trung và không tập trung dưới hình thái tiền tệ đã làm cho vai trò của tài chính doanh nghiệp bị thu hẹp và bị giới hạn bởi các mệnh lệnh hành chính của hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch. Vì vậy, các doanh nghiệp SXHTD thiếu năng động, tăng tâm lý ỷ lại trông



chờ vào vốn Nhà nước. Khi chuyển sang cơ chế thị trường với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế diễn ra trong mọi lĩnh vực, hình thành *nguồn lực tài chính*. Luận án đã đưa ra định nghĩa về tài chính trong nền kinh tế thị trường và đã phân tích mối quan hệ tất yếu, nội tại giữa tài chính với CNSXHTD, tác động lẫn nhau. Ngân sách Nhà nước đầu tư phát triển CNSXHTD và doanh nghiệp CNSXHTD làm nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Luận án đã trình bày hai chức năng cơ bản của tài chính là chức năng phân phối và chức năng giám đốc. Thông qua các công cụ tài chính như chính sách, cơ chế, thể lệ, chế độ, nguyên tắc thu chi tài chính, thanh tra, kiểm toán,... giúp doanh nghiệp CNSXHTD nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đặc biệt, luận án đã phân tích và nhấn mạnh vai trò và tác động của thuế - một công cụ tài chính quan trọng thực hiện chính sách tài chính quốc gia; kích thích sản xuất và điều hoà thu nhập; tác động đến quá trình phát triển nền kinh tế nói chung, CNSXHTD nói riêng.

### ***1.2.2 - Tín dụng và vai trò của nó đối với phát triển CNSXHTD.***

Luận án đã phân tích mối liên hệ giữa các chủ thể trong quan hệ tín dụng và nêu lên các đặc điểm của tín dụng trong nền kinh tế thị trường, trong đó đặc điểm quan trọng nhất là: *người cho vay có quyền sở hữu nhưng không có quyền sử dụng vốn cho vay, người đi vay có quyền sử dụng nhưng không có quyền sở hữu vốn đi vay (quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng)*. Luận án đã nêu khái quát về các hình thức tín dụng nặng lãi, tín dụng thương mại trước khi đi sâu phân tích về tín dụng ngân hàng và giới thiệu các loại ngân hàng. Đó là Ngân hàng Trung ương, Ngân hàng thương mại (quốc doanh, cổ phần,...) trực tiếp kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và liên hệ với tình hình tổ chức hệ thống Ngân hàng 2 cấp ở nước ta hiện nay.

Luận án đã nêu lên vai trò của tín dụng ngân hàng tác động thúc đẩy CNSXHTD phát triển và phân tích mối quan hệ tất yếu, nội tại giữa tín

dụng ngân hàng và CNSXHTD. Đó là mối quan hệ bạn hàng mật thiết, tác động và hỗ trợ lẫn nhau trong huy động và sử dụng vốn vay.

Luận án nêu lên 2 chức năng quan trọng của tín dụng ngân hàng là: *chức năng phân phối và chức năng giám đốc*, phân biệt với chức năng phân phối và chức năng giám đốc của tài chính.

*Chức năng giám đốc* nhằm thực hiện có hiệu quả 3 nguyên tắc quy định trong thể lệ tín dụng Ngân hàng hiện hành là:

- Vốn vay phải được hoàn trả cả gốc và lãi theo đúng hạn đã cam kết;
- Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả kinh tế;
- Vốn vay phải được bảo đảm bằng giá trị hàng hoá tương đương.

Luận án nêu lên vai trò của tín dụng đối với ngành CNSXHTD. Đó là:

\* Tín dụng Ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp CNSXHTD, khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu qua lãi suất ưu đãi thông qua *tín dụng ngắn hạn* (thời hạn tối đa 12 tháng).

\* Tín dụng Ngân hàng hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp CNSXHTD đầu tư chiều sâu, đổi mới kỹ thuật công nghệ thông qua *tín dụng trung hạn* (thời hạn trên 1 năm đến 3 năm), *tín dụng dài hạn* (trên 3 năm trở lên).

Luận án đã khái quát về *tín dụng thuê mua*, một loại hình tín dụng mới xuất hiện những năm gần đây và dự báo *trong tương lai ở nước ta tín dụng thuê mua sẽ phát triển tốt, rất phù hợp với doanh nghiệp CNSXHTD vừa và nhỏ*. *Tín dụng tiêu dùng* khuyến khích người mua tiêu thụ sản phẩm CNSXHTD. Với các công cụ tín dụng ngân hàng như: lãi suất, điều kiện cho vay (phương án sản xuất kinh doanh, tài sản thế chấp), kiểm tra trước, trong và sau khi phát tiền vay,... Ngân hàng giúp các doanh nghiệp CNSXHTD sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, tăng nhanh vòng quay vốn, tăng qui mô lợi nhuận, tích lũy vốn mở rộng và phát triển sản xuất.

**1.3- Kinh nghiệm về đầu tư tài chính, tín dụng Ngân hàng phát triển CNSXHTD ở một số nước.**

Luận án nêu lên tổng quan những kinh nghiệm trong việc sử dụng công cụ tài chính và tín dụng Ngân hàng đối với CNSXITTD ở các NIEs Châu Á và các nước ASEAN. Trên cơ sở phân tích quá trình CNIIHĐH, những thành công của các nước trên để rút ra những nhận xét và kinh nghiệm cần được tính đến ở nước ta, đặc biệt là kinh nghiệm về đầu tư tài chính - tín dụng Ngân hàng phát triển CNSXITTD.

**Thứ nhất:** Hầu hết các nước được tổng quan đều cho thấy phải trên cơ sở chiến lược công nghiệp hoá từng thời kỳ mà hướng các công cụ tài chính, tín dụng ngân hàng phục vụ cho chiến lược được xác định. Các nước này do điều kiện lịch sử nên có khác nhau về thời gian, về bước đi, song đều trải qua hai giai đoạn chiến lược công nghiệp hoá hướng nội và công nghiệp hoá hướng ngoại; từ SXITTD có hàm lượng lao động cao chuyển sang SXITTD có hàm lượng khoa học cao thay thế hàng nhập và xuất khẩu. Việc thực hiện tuần tự hay kết hợp hai chiến lược đó không do ý muốn chủ quan, duy ý chí mà do điều kiện lịch sử cụ thể khách quan quyết định.

**Thứ hai:** Mỗi công cụ quản lý vĩ mô về tài chính, tín dụng như thuế, ngân sách, tín dụng, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... đều có mặt tích cực và hạn chế của nó. Các nhóm nước NIEs và ASEAN rất coi trọng tính linh hoạt, thống nhất và đồng bộ khi áp dụng các công cụ tài chính, tín dụng để thúc đẩy CNSXITTD phát triển.

- *Về thuế:* các nước trên điều chỉnh theo hướng đơn giản hoá hệ thống thuế, giảm bớt các sắc thuế; áp dụng mức thuế hợp lý, khắc phục tình trạng trốn lậu thuế, khuyến khích sản xuất - kinh doanh phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu. Nhiều nước đã thực hiện giảm thuế cho những doanh nghiệp CNSXITTD nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Các nước trên đã sử dụng hàng rào thuế quan một cách linh hoạt và hữu hiệu để hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp CNSXITTD mở rộng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng giành ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ hiện đại;

bảo hộ hàng hoá sản xuất trong nước.

- Về sử dụng đòn bẩy lãi suất tín dụng tuy ở mức độ khác nhau nhưng các nước đều có định hướng ưu tiên đối với CNSXHTD xuất khẩu, đầu tư chiều sâu, đổi mới kỹ thuật công nghệ hiện đại, tạo điều kiện để nâng cao sức cạnh tranh của HTD trên thị trường trong nước và ngoài nước; thực hiện chính sách lãi suất dương; tỷ giá hối đoái khuyến khích hàng xuất khẩu.

Thứ ba: Trong lĩnh vực tiết kiệm và đầu tư, các nhóm nước này thường kết hợp chặt chẽ giữa tiết kiệm và đầu tư trong nước; giữa đầu tư trực tiếp với nhận viện trợ và vay vốn từ nước ngoài để hình thành chiến lược huy động vốn, phân phối và sử dụng vốn thông qua cổ phần hóa để các doanh nghiệp CNSXHTD tự huy động vốn qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tạo điều kiện cho thị trường chứng khoán ra đời và hoạt động có hiệu quả.

Luận án cũng đã nêu lên khả năng ứng dụng các kinh nghiệm về đầu tư tài chính, tín dụng phát triển CNSXHTD của các nước vào nước ta, vận dụng sáng tạo, có hiệu quả phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của Việt nam trên cơ sở tìm ra những nét tương đồng và những nét khác biệt giúp chúng ta đi tắt, đón đầu, rút ngắn được thời gian công nghiệp hoá, tránh những sai lầm không đáng có.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI VIỆC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI.

#### 2.1 - CNSXHTD trên địa bàn Hà nội sau 10 năm đổi mới

##### 2.1.1- Khái quát tình hình phát triển CNSXHTD 1986 - 1995.

Luận án không khảo sát tất cả các thành tựu mà chỉ khảo sát thành tựu của ngành công nghiệp, nhất là CNSXHTD trên địa bàn Hà nội. Sự phát triển CNSXHTD trên địa bàn Hà nội đã làm tăng GDP và cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng CNHHĐH. Qua 10 năm đổi mới tổng sản

phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn Hà Nội phát triển ngày càng tăng về số lượng và thay đổi về cơ cấu theo hướng CNHHĐH. Thông qua đổi mới trên địa bàn Hà Nội từng bước hình thành và phát triển các khu công nghiệp cũ và mới. Theo đó, một số nhà máy và xí nghiệp mới, trong đó phần lớn là doanh nghiệp CNSXHTD được hình thành hoặc nâng cấp từ xí nghiệp, nhà máy cũ tại các khu công nghiệp tập trung cũ. CNSXHTD trên địa bàn Hà Nội phát triển phù hợp với chính sách nền kinh tế nhiều thành phần, và bước đầu đã thích nghi với cơ chế thị trường.

Luận án đã so sánh số liệu tăng trưởng của tổng sản lượng công nghiệp nhóm B (CNSXHTD) giữa 2 thời kỳ (1986 - 1990) và (1991 - 1995) trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 8 lần và công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 4,5 lần. Sự phát triển CNSXHTD thời gian qua trên địa bàn Hà Nội đã tạo ra một số nhà máy, xí nghiệp khá nổi tiếng với nhiều mặt hàng được người tiêu dùng trong nước ưa chuộng, một số mặt hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng lớn so với cả nước như quạt điện chiếm 87,5%; lắp ráp máy thu hình chiếm 40%; hàng dệt kim 50 - 55% (Bảng 8). CNSXHTD trên địa bàn Hà Nội đã góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu, trong đó giá trị hàng công nghệ phẩm xuất khẩu chiếm tỷ trọng trên, dưới 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố (Bảng 9). Luận án đã phân tích và chứng minh công nghiệp Thủ đô, trong đó có CNSXHTD đã góp phần quan trọng thu hút thêm lao động, tăng thu Ngân sách và hiệu quả sử dụng vốn năm 1994 tăng gần 2 lần 1991.

### ***2.1.2 - Những hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề cần đặt ra .***

Luận án đã nêu lên những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến một số ngành CNSXHTD có thế mạnh của Thủ đô trước đây, khi chuyển sang cơ chế thị trường sản phẩm cạnh tranh kém, ứ đọng nhiều, hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm sút. Đặc biệt là nhóm công nghiệp dệt và may mặc tăng trưởng chậm, chỉ đạt bình quân 6,4% /năm và 12,5%/năm trong khi tăng

trưởng bình quân của công nghiệp là 14,4%, nhóm B tăng 17%.

Luận án đã phân tích một số nguyên nhân, trong đó có 2 nguyên nhân cơ bản, trực tiếp ảnh hưởng đến phát triển CNSXHĐT trên địa bàn Hà Nội là kỹ thuật - công nghệ lạc hậu và chiến lược khách hàng (hay phương án đầu ra) của các doanh nghiệp CNSXHĐT còn lúng túng. Từ đó, luận án nêu lên những vấn đề cần đặt ra, đó là: Mâu thuẫn giữa thực trạng phát triển CNSXHĐT còn thấp so với tiềm năng, nhu cầu và lợi thế của Thủ đô; mâu thuẫn giữa thị trường đầu ra với trình độ kỹ thuật công nghệ hiện có; mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới kỹ thuật - công nghệ theo hướng hiện đại với việc xác lập căn cứ khoa học chiến lược đổi mới và thiếu vốn tự có đầu tư chiều sâu; mâu thuẫn giữa tình trạng vừa thừa, vừa thiếu lực lượng lao động với quá trình đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo hướng hiện đại; mâu thuẫn giữa yêu cầu mở rộng CNSXHĐT với thị trường nông thôn thấp kém chưa trở thành cơ sở cho sự phát triển của công nghiệp, trong đó có CNSXHĐT và mâu thuẫn giữa trình độ bất cập của cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp CNSXHĐT hiện nay với yêu cầu quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật được đổi mới theo hướng hiện đại.

Sáu mâu thuẫn cơ bản nêu trên có mối liên hệ và tác động lẫn nhau, trong đó nổi bật là *mâu thuẫn giữa thị trường đầu ra với trình độ kỹ thuật công nghệ hiện có*; thực chất là *nhu cầu vốn đầu tư hiện đại hoá kỹ thuật - công nghệ*, sản xuất ra hàng tiêu dùng có chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới.

**2.2 - Thực trạng hoạt động tài chính, tín dụng Ngân hàng và tác động của nó đối với CNSXHĐT trên địa bàn Hà Nội.**

**2.2.1- Tình hình đầu tư tài chính và tín dụng Ngân hàng đối với CNSXHĐT.**

\* *Về tình hình đầu tư tài chính*, luận án đã nêu lên những nội dung cơ bản về "chính sách huy động và sử dụng vốn phát triển kinh tế - xã hội ở Thủ

đô" của Thành ủy Hà Nội và kế hoạch số 1823/ KH - UB của UBND thành phố Hà Nội, trong đó coi trọng các biện pháp huy động mọi nguồn vốn trong nước, ngoài nước với nhiều hình thức: vốn bằng tiền, vốn bằng vật tư hàng hoá, đất đai, tài nguyên, lao động, tri thức khoa học,... để đầu tư phát triển. Việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có các doanh nghiệp CNSXHĐT (theo Nghị định số 388/CP, chủ trương chính sách về cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước; thực hiện kinh tế nhiều thành phần; mở rộng và nâng cao chất lượng các hình thức huy động và đầu tư vốn qua hệ thống kho bạc; chính sách khuyến khích đầu tư thu hút vốn nước ngoài v.v... đã đưa lại kết quả khả quan: nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước trong 5 năm qua liên tục tăng trưởng đáp ứng về cơ bản yêu cầu tăng trưởng kinh tế của Thủ đô. Các doanh nghiệp CNSXHĐT được tự chủ về vốn, được tự huy động, sử dụng vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh và có trách nhiệm hoàn trả vốn vay. Như vậy, tuy Nhà nước không trực tiếp đầu tư vốn nhưng đã định hướng cho các doanh nghiệp CNSXHĐT một cơ chế tạo vốn có hiệu quả đáp ứng yêu cầu huy động vốn cho sản xuất - kinh doanh. Mặt khác, thông qua thuế - một công cụ tài chính quan trọng, Nhà nước khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất CNSXHĐT và hàng xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng mà trong nước sản xuất được.

Sau khi phân tích tình hình đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp CNSXHĐT thuộc các thành phần kinh tế qua các số liệu cụ thể, luận án đã nhận định: từ năm 1989 đến nay, dưới tác động của chính sách và cơ chế quản lý mới theo hướng kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tình hình vốn đầu tư cho các doanh nghiệp có bước chuyển biến mới, cả về lượng và chất, chẳng những trụ vững được trước biến động của cơ chế thị trường mà nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp CNSXHĐT phát triển, đạt tốc độ tăng trưởng đáng kể. Nếu so sánh giữa hai thời kỳ 1986 - 1990 và 1991 - 1995 thì tốc độ tăng trưởng bình quân hàng

năm của công nghiệp trên lãnh thổ Hà nội tăng từ 2,4% lên 14,4% (gấp 6 lần); công nghiệp nhóm B (CNSXITD) tăng từ 2,5% lên 17,05% (6,8 lần).

\* *Về tình hình đầu tư tín dụng Ngân hàng:* luận án đã phân tích hoạt động của Ngân hàng hai cấp trên địa bàn Hà nội. Từ sau khi có hai Pháp lệnh Ngân hàng, lần đầu tiên ở nước ta có một văn bản pháp qui toàn diện và tiến bộ ở tầm pháp lý cao hơn trước, bao quát được những vấn đề cốt lõi về tổ chức và hoạt động tiền tệ, tín dụng và dịch vụ Ngân hàng đáp ứng yêu cầu chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường. Với vị thế là Thủ đô, trên địa bàn Thành phố đã hội đủ các loại Ngân hàng hiện có ở Việt nam, bao gồm 48 ngân hàng và các chi nhánh Ngân hàng với các Ngân hàng thương mại (NHTM) quốc doanh; NHTM cổ phần; Ngân hàng liên doanh trong nước và liên doanh với nước ngoài; các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài...

Theo số liệu của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà nội, nguồn vốn huy động trên địa bàn thành phố 5 năm qua (1991 - 1995) liên tục tăng qua các năm: năm 1995 (10.576 tỷ đồng) tăng gấp 8 lần cùng kỳ năm 1991; trong đó tiền gửi của dân cư tăng 8,8 lần. Nếu tính cả 4 Hội sở Ngân hàng Thương mại quốc doanh tại Hà nội thì đến cuối năm 1995, tổng nguồn vốn khoảng 18.000 tỷ, chiếm 54,5 %; dư nợ đến cuối 1995 khoảng 14.500 tỷ đồng, chiếm 34,3% toàn quốc.

Luận án đã đưa ra và phân tích số liệu về đầu tư vốn tín dụng ngân hàng trong các doanh nghiệp trên địa bàn Hà nội (Bảng 13), tính đến thời điểm 31/12/1995: Vốn tín dụng ngắn hạn của ngân hàng chiếm 71,85% tổng số vốn lưu động; vốn tín dụng trung và dài hạn của ngân hàng chiếm 53,72% tổng số vốn cố định của doanh nghiệp. Vốn tự có của doanh nghiệp công nghiệp rất thấp, chỉ bằng 46,28% vốn cố định và 28,15% vốn lưu động.

Từ đó rút ra nhận xét: *vốn tự có của doanh nghiệp CNSXITD chiếm tỷ trọng quá thấp không thể đủ đảm bảo sản xuất - kinh doanh được bình thường, phải lệ thuộc vào vốn vay. Vì vậy, điều bức xúc hiện nay là phải*



*dảm bảo đủ vốn tự có cho các doanh nghiệp SXHTD.*

### ***2.2.2 Tình hình sử dụng vốn đầu tư phát triển CNSXHTD trên địa bàn Hà nội***

Luận án chia thành 2 thời kỳ tương ứng với hai kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội, kể từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (1986).

*+ Thời kỳ từ 1986 - 1990:*

Luận án đã phân tích về tình hình tài chính doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp CNSXHTD trong quá trình chuyển nền kinh tế tập trung, bao cấp sang kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XIICN. Theo cơ chế tài chính cũ, vốn của các doanh nghiệp CN SXHTD do ngân sách Nhà nước cấp 50% , tín dụng Ngân hàng cấp 50% dưới hình thức cho vay với lãi suất thấp hơn chỉ số trượt giá rất nhiều. Nhưng thường vốn ngân sách cấp không đủ, chỉ trên dưới 30% đối với vốn lưu động. Số còn lại do tín dụng Ngân hàng cho vay. Thời kỳ này, lạm phát khá cao, tới 3 chữ số. Năm 1989, Chính phủ phải xử lý liệu pháp sốc: nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng tới 12% một tháng mới giảm được tốc độ lạm phát. Và nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu hồi phục. Thời kỳ này, do CN SXHTD không phát triển được nên hàng tiêu dùng rất khan hiếm, Nhà nước vẫn phải bù giá qua chế độ phân phối theo tem phiếu.

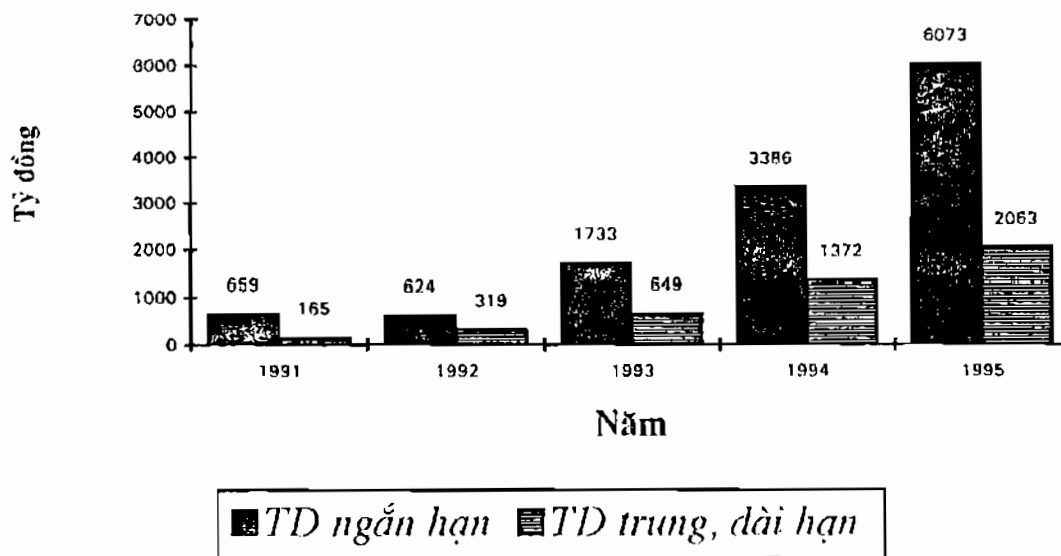
*+ Thời kỳ 1991 - 1995 :*

Luận án đã nêu bật ý nghĩa và kết quả chuyển từ chính sách tài chính "lỏng " , lãi suất " âm" của cơ chế cũ chuyển sang chính sách tài chính "thắt chặt" và lãi suất "dương", phù hợp với nền kinh tế thị trường đã tác động mạnh mẽ đến tốc độ phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là CNSXHTD tăng trưởng gấp bội. hàng tiêu dùng sản xuất ngày càng tăng về số lượng; phong phú về chủng loại, màu sắc, kích cỡ; đẹp về hình thức, kiểu dáng, bao bì; tốt về chất lượng, ngày càng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng; đã cạnh tranh với hàng nước ngoài và bước đầu đã xuất khẩu sang thị trường các

nước công nghiệp phát triển. Nhờ vậy, nguồn vốn tự có của nhiều doanh nghiệp CNSXHTD được tăng lên do nguồn vốn tự bổ sung ngày càng tăng. Tuy nhiên, vốn tự có, kể cả vốn tự bổ sung hàng năm của các nhóm ngành CNSXHTD đều thấp, chỉ đảm bảo trên, dưới 50% tổng số vốn hoạt động. Đặc biệt ngành dệt, ngành sản xuất sản phẩm da, sản xuất lắp ráp radiô, tivi, vốn tự có chỉ trên, dưới 30%, kể cả vốn tài sản cố định là máy móc, thiết bị lạc hậu lẽ ra phải thanh lý (Bảng 18).

Để phân tích cơ cấu kỳ hạn tín dụng, luận án đưa ra đồ thị 6.

Đồ thị 6: Tín dụng ngắn hạn & trung hạn, dài hạn  
Các ngân hàng thương mại trên địa bàn Hà nội (1991-1995).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội.

Qua số liệu trên đồ thị số 6, ta thấy từ năm 1993 đến 1995 tốc độ đầu tư tăng rất cao, năm sau cao hơn năm trước. Tín dụng ngắn hạn năm 1995 tăng gấp 3,5 lần năm 1993; tín dụng trung, dài hạn năm 1995 gấp 3,2 lần năm 1993. Riêng tín dụng ngân hàng đầu tư cho công nghiệp trên địa bàn Hà nội, đầu kỳ (1991) so với cuối kỳ (1995) tăng từ 429 tỷ đồng lên 5.327

tỷ đồng, gấp 12,5 lần; bình quân mỗi năm tăng 2,5 lần (Bảng 19). Tuy Ngân hàng Nhà nước thành phố Hà nội không tách riêng vốn tín dụng đầu tư CNSXHTD nhưng qua khảo sát thực tế ở một số chi nhánh Ngân hàng Công thương trên địa bàn Hà nội, tỷ trọng đầu tư vốn cho CNSXHTD rất cao, trên dưới 60% tổng vốn dư nợ Ngân hàng.

### ***2.2.3 - Những hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra về đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng đối với CNSXHTD.***

Luận án đã nêu lên những hạn chế, bất cập về tài chính - tín dụng ngân hàng phát triển CNSXHTD, đó là:

- Thiếu vốn đầu tư dài hạn để tiếp nhận và đổi mới công nghệ do vậy việc đổi mới kỹ thuật công nghệ ở các doanh nghiệp SXHTD còn mang tính bộ phận, nhỏ lẻ, tình thế chưa mang ý nghĩa chiến lược, chủ động.

- Các doanh nghiệp SXHTD vốn tự có rất thấp, đến 31/12/1995 chỉ chiếm 29,31% tổng các nguồn vốn sử dụng, kể cả giá trị tài sản máy móc, thiết bị lạc hậu. Vốn tự bổ sung phát triển chậm, nguồn vốn liên doanh hạn chế.

- Tín dụng ngân hàng chủ yếu đầu tư vốn ngắn hạn; vốn trung hạn và dài hạn chiếm tỷ trọng thấp, trong khi các doanh nghiệp CNSXHTD rất cần vốn trung và dài hạn để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thương trường để tồn tại và phát triển.

Luận án đã trình bày khái quát các nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần được xử lý trong các giải pháp ở chương 3. Đó là:

**Thứ nhất:** Về mặt tài chính, chậm đưa ra những chương trình lớn có liên quan đến tạo vốn, đầu tư vốn cho phát triển CNSXHTD (chương trình số 13/ CTr - TU của Thành ủy Hà nội tháng 8/1992 mới có). Việc chỉ đạo thiếu đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành của Hà nội và giữa công nghiệp địa phương với công nghiệp Trung ương trên địa bàn Thành phố trong việc xây dựng chính sách, kế hoạch huy động vốn và sử dụng vốn; chưa khai thác triệt để nguồn vốn thu về sử dụng đất, quỹ nhà, xưởng,...

**Thứ hai:** Chậm đưa ra chủ trương thực hiện "khẩu hao nhanh tài sản cố định"; chậm sử dụng đòn bẩy thuế khuyến khích nhập khẩu máy móc, thiết bị công nghệ mới theo hướng hiện đại; chưa có biện pháp hữu hiệu hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng trong nước sản xuất được và ngăn chặn hàng nhập lậu, trốn thuế ảnh hưởng nghiêm trọng đến CNSXITD.

**Thứ ba:** Về tín dụng, chậm xác định để có chuyển hướng tăng cường huy động và đầu tư vốn trung hạn và dài hạn, hệ số sử dụng vốn còn thấp.

**Thứ tư:** Luận án cho rằng *hiện tượng thiếu vốn nhất là vốn trung và dài hạn để đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ là đúng nhưng điều chủ yếu hiện nay là xác định phương hướng sản xuất hàng tiêu dùng gắn với thị trường đầu ra, phần lớn các doanh nghiệp CNSXITD còn lúng túng. Cần giải quyết thoả đáng mối quan hệ giữa việc xác định đúng phương hướng sản xuất với nhu cầu vốn và đổi mới kỹ thuật, công nghệ hiện đại.*

**Thứ năm:** Các doanh nghiệp CNSXITD chưa có phương hướng, kế hoạch cụ thể, chủ động tự huy động vốn, *chậm trễ trong việc cổ phần hóa tạo thêm vốn, còn ỷ lại vào vốn Ngân sách và vay vốn Ngân hàng.*

**Thứ sáu:** Ở tầm vĩ mô, hệ thống luật, các văn bản dưới luật về tài chính - Ngân hàng và thương mại theo cơ chế thị trường chậm ban hành và chưa đồng bộ

### **Chương 3**

#### **ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ TÀI CHÍNH - TÍN DỤNG NGÂN HÀNG THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI.**

##### **3.1- Quan điểm về định hướng đầu tư phát triển CNSXITD.**

###### **3.1.1 Định hướng phát triển CNSXITD trên địa bàn Hà nội.**

Luận án nêu lên phương hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp trên địa bàn Hà nội qua trích dẫn Văn kiện Đại hội VIII của Đảng và Văn kiện Đại hội lần thứ XII - Đảng Bộ Thành phố Hà nội, trong đó nhấn mạnh đến phát

triển CNSXHTD thể hiện cụ thể như sau:

- CNSXHTD phải phát triển với tốc độ nhanh và có hiệu quả cao;
- Ưu tiên phát triển các ngành nghề đòi hỏi công nghệ và chất xám cao;
- Kết hợp những ngành nghề truyền thống, từng bước sử dụng công nghệ tiên tiến và thu hút nhiều lao động, lấy qui mô vừa và nhỏ làm chủ yếu.
- Thực hiện chiến lược phát triển CNSXHTD hướng về xuất khẩu, thay thế dần hàng nhập khẩu;
- Phát triển CNSXHTD trên cơ sở huy động mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế; hợp tác, liên doanh trong nước và ngoài nước nhằm mục tiêu: tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng từ 31,3% (1995) lên 39% - 40% (2000); tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân từ 19-20% một năm (1996-2000); thu hút khoảng 30% lao động xã hội.

Luận án đã nhấn mạnh phải đổi mới cơ cấu nội bộ ngành và tăng tốc độ phát triển CNSXHTD theo các nhóm ngành: cơ khí - đồ điện; công nghiệp điện tử; công nghiệp dệt - da - may; công nghiệp chế biến thực phẩm,... được Hà nội lựa chọn là những ngành công nghiệp then chốt. Luận án đã trình bày về tổ chức, sắp xếp hợp lý các doanh nghiệp CNSXHTD trên địa bàn Hà nội theo hướng hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất và khu công nghiệp kỹ thuật cao; hạn chế bố trí phân tán. Đối với các khu công nghiệp tập trung hiện có nằm trong nội thành chủ yếu đầu tư chiều sâu, cải tạo và hiện đại hóa công nghệ sản xuất. Các khu công nghiệp tập trung ở ngoại thành còn đất xây dựng như Cầu diễn - Nghiã đô; Chèm; Cầu bươu, Đông anh tiếp tục xây dựng bổ sung các doanh nghiệp CNSXHTD mới cùng tính chất sản xuất hoặc có quan hệ với nhau trong quá trình chế tạo ra sản phẩm. Sớm hình thành và đưa vào hoạt động các khu công nghiệp tập trung mới trong đó có CNSXHTD như: khu chế xuất Sóc sơn - Nội bài, Khu công nghiệp Sài đồng (Gia lâm), Đông anh, Nam và Bắc cầu Thăng long (có bản đồ mặt bằng các khu công nghiệp cũ và mới của Hà

nội). Các khu chế xuất, khu công nghiệp này tập trung các doanh nghiệp CNSXITD có kỹ thuật và công nghệ hiện đại, sản xuất hàng tiêu dùng có hàm lượng khoa học cao, ưu tiên sản xuất hàng xuất khẩu.

### ***3.1.2 - Định hướng đầu tư tài chính - Tín dụng Ngân hàng đối với CNSXITD.***

*Về nhu cầu vốn đầu tư:* Luận án nêu lên các dự báo nhu cầu vốn đầu tư của cả nước và của Hà nội; vốn trong nước và ngoài nước theo số liệu trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII và Văn kiện Đại hội Đảng bộ Hà nội lần thứ XII; trong kỳ kế hoạch 1996 - 2000, Hà nội phải huy động từ 137 - 138 nghìn tỷ đồng để đầu tư phát triển kinh tế, trong đó vốn trong nước chiếm 45%, tương ứng với 50 - 53 nghìn tỷ đồng; vốn ngoài nước, chủ yếu là vốn ODA và FDI từ 7 - 8 tỷ USD.

Luận án nêu lên 4 định hướng khai thác các nguồn vốn và đầu tư là:

- Huy động và đầu tư vốn trong dân cư;
- Huy động và đầu tư vốn từ các doanh nghiệp, nhấn mạnh đến cổ phần hoá và phát hành trái phiếu doanh nghiệp huy động vốn theo nhu cầu đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

- Về đầu tư tín dụng ngân hàng, nhấn mạnh hướng đầu tư vốn tín dụng trung hạn, dài hạn, tín dụng thuê mua, ưu đãi sản xuất hàng xuất khẩu.

- Huy động và sử dụng vốn ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (vốn ODA) và đầu tư phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, khu chế xuất sản xuất hàng xuất khẩu có hàm lượng khoa học cao (vốn FDI).

Ngoài ra luận án đã trình bày và phân tích việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế như thuế, lãi suất, chính sách hỗ trợ, bảo hộ và tự do mậu dịch; công tác thanh tra, kế toán và kiểm toán,...là những công cụ tài chính, tín dụng Ngân hàng quan trọng cần sử dụng phù hợp, năng động và hiệu quả nhằm phát triển CNSXITD, góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh trên địa bàn Hà nội.

### ***3.2 - Các giải pháp chủ yếu về tài chính - tín dụng Ngân hàng thúc***

**dẫn đầu tư phát triển CNSXITD.**

### **3.2.1 - Các giải pháp về tạo nguồn vốn.**

Luận án đã nêu khái quát những quan điểm của Đảng ta trong đó luận điểm quan trọng nhất là: "Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài" và 4 giải pháp huy động vốn sau:

- Giải pháp huy động vốn từ tài chính Nhà nước thông qua huy động vốn từ thuế; từ các hình thức phát hành tín phiếu, trái phiếu, công trái; chuyển giao quyền sử dụng đất, bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước,...

- Huy động vốn nước ngoài: chủ yếu là vốn đầu tư ODA và FDI.

- Huy động vốn của doanh nghiệp SXITD như bán cổ phần, phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, liên doanh liên kết, vay vốn nước ngoài,...

- Huy động vốn tín dụng ngân hàng bao gồm vốn huy động từ tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán của các tổ chức kinh tế và cá nhân; vốn bán cổ phiếu, trái phiếu Ngân hàng; vốn tự bổ sung hàng năm; vốn vay các tổ chức tín dụng, tài chính trong nước và nước ngoài,...

### **3.2.2 Các giải pháp đầu tư (sử dụng) vốn.**

Luận án nêu 2 giải pháp chủ yếu là đầu tư tài chính và tín dụng Ngân hàng.

\* *Đầu tư tài chính* bao gồm xây dựng kết cấu hạ tầng; đầu tư đủ vốn ban đầu cho các doanh nghiệp Nhà nước mới thành lập (kể cả doanh nghiệp liên doanh có vốn Nhà nước); bổ sung đủ vốn pháp định cho các doanh nghiệp Nhà nước đã thành lập; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu chế xuất, khu công nghệ cao để thu hút vốn đầu tư trong nước và vốn FDI.

\* *Đầu tư tín dụng Ngân hàng* bao gồm cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, đặc biệt là tín dụng thuê mua, tín dụng tiêu dùng. Sử dụng công cụ lãi suất linh hoạt, hợp lý tạo điều kiện để các doanh nghiệp CNSXITD đổi mới kỹ thuật - công nghệ, đổi mới mặt hàng giành lợi thế cạnh tranh trên thị trường, hoặc đầu tư trực tiếp bằng hình thức mua cổ phần doanh nghiệp.

### **3.3 - Một số kiến nghị gắn với các giải pháp vĩ mô và vi mô**

### ***3.3.1 - Các kiến nghị gắn với giải pháp vi mô***

- Đề nghị Quốc hội và Nhà nước sớm ban hành Luật Ngân hàng, Luật Thương mại, các văn bản dưới luật bảo hộ người SXHTD và người tiêu dùng, chống buôn lậu, sản xuất hàng giả phù hợp với cơ chế thị trường.

- Đề nghị miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu kỹ thuật, công nghệ mới, chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp CNSHTD xuất khẩu.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra của Tổng cục quản lý vốn các doanh nghiệp Nhà nước theo qui định của Chính phủ; bổ sung đủ vốn pháp định cho doanh nghiệp CNSHTD.

### ***3.3.2 - Các kiến nghị gắn với giải pháp vi mô đối với các doanh nghiệp CNSHTD.***

- Làm tốt công tác tiếp thị, sản xuất hàng hoá tiêu dùng theo tín hiệu thị trường, có phương án "dầu ra" khả thi.

- Tập trung vốn đầu tư chiều sâu, đổi mới kỹ thuật, công nghệ hiện đại theo phương án sản xuất kinh doanh khả thi đã xác định.

- Đổi mới quản lý, sắp xếp cán bộ quản lý đúng người đúng việc; quan tâm đến lợi ích vật chất, tinh thần của người lao động. Đặc biệt là lựa chọn giám đốc có đủ trình độ, năng lực, trách nhiệm điều hành tiến tới hình thức thuê giám đốc hoặc ký hợp đồng lao động giữa Hội đồng quản trị với giám đốc doanh nghiệp CNSXH qua bình tuyển phương án sản xuất kinh doanh

## **KẾT LUẬN**

Từ nội dung đã được phân tích trong 3 chương, luận án đã hoàn thành các nhiệm vụ, đưa lại những đóng góp sau đây:

1- CNSHTD là một bộ phận của công nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của con người ở những mức độ và trình độ khác nhau. Sự phát triển CNSHTD có vai trò to lớn về các mặt: đời sống, thay đổi cơ cấu kinh tế, xuất khẩu, góp phần tích lũy, hình thành và phát triển thị trường tiêu thụ hàng hoá nông, lâm, ngư



ngành trong quá trình CNHĐH đất nước; có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Hà nội trong quá trình "xây dựng Thủ đô văn minh, giàu đẹp".

2 - Không thể phát triển CNSXITD nếu không có sự đầu tư vốn của tài chính và tín dụng ngân hàng. Luận án đã hệ thống hoá những lý luận cơ bản có liên quan đến đầu tư tài chính và tín dụng ngân hàng. Khẳng định vai trò to lớn và không thể thiếu được của đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng thúc đẩy phát triển CNSXITD trên địa bàn Hà nội.

3 - Trong điều kiện nền kinh tế mở cửa hội nhập với khu vực và thế giới, lĩnh vực đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng đối với sự phát triển CNSXITD, việc nghiên cứu có chọn lọc những kinh nghiệm đầu tư vốn của các nước công nghiệp mới (NIEs) châu á và một số nước ASEAN trên cơ sở *tim ra những nét tương đồng và khác biệt* là rất cần thiết. Nó có tác động gợi mở cho sự vận dụng một cách sáng tạo và có hiệu quả ở nước ta.

4 - Thông qua khảo sát thực trạng đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng và thực trạng phát triển CNSXITD trên địa bàn Hà nội thời gian qua, nhất là từ 1990-1995, luận án đã đánh giá về thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Đặc biệt đã tìm ra được những vấn đề bức xúc đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới. Đó là:

- Chậm đưa ra những chương trình lớn mang tính đồng bộ có liên quan đến việc tạo vốn cho phát triển CNSXITD.

- Chậm đưa ra chủ trương "khấu hao nhanh tài sản cố định"; chậm sử dụng đòn bẩy thuế và lãi suất để thúc đẩy đổi mới kỹ thuật - công nghệ.

- Hệ thống tín dụng ngân hàng chậm chuyển hướng huy động và đầu tư vốn trung và dài hạn giúp các doanh nghiệp CNSXITD có điều kiện nhanh chóng đổi mới kỹ thuật - công nghệ theo yêu cầu của cơ chế thị trường.

- Luận án cho rằng khó khăn của các doanh nghiệp CNSXITD là thiếu vốn, nhất là vốn trung, dài hạn để đổi mới kỹ thuật, công nghệ. Nhưng, khó khăn chủ yếu hiện nay của các doanh nghiệp CNSXITD là xác định được

và đúng phương hướng sản xuất - kinh doanh gắn với thị trường đầu ra.

- Một số không ít các doanh nghiệp CNSXHTD thuộc sở hữu Nhà nước còn ỷ lại vốn cấp phát và tín dụng Ngân hàng nên thiếu phương hướng, kế hoạch cụ thể tự huy động vốn để đầu tư; chậm trễ trong việc thực hiện cổ phần hoá để tạo thêm vốn cho sản xuất mặc dù Chính phủ và UBND Thành phố Hà Nội đã có cơ chế cho phép.

- Ở tầm kinh tế vĩ mô, hệ thống luật còn thiếu, các văn bản dưới luật cần thiết có liên quan đến đầu tư tài chính - tín dụng ngân hàng chậm ban hành và chưa đồng bộ.

5 - Luận án đã trình bày các số liệu dự báo về nhu cầu vốn trong cả nước nói chung và của Hà Nội nói riêng để phát triển kinh tế từ nay đến năm 2000. Trên cơ sở đó nêu ra 4 định hướng lớn với phương châm "khởi trong, hút ngoài" để huy động vốn phát triển nền kinh tế.

Luận án đã nêu lên 4 giải pháp huy động vốn, chủ yếu thông qua các công cụ tài chính - tín dụng đồng thời nêu ra 2 giải pháp lớn nhằm sử dụng có hiệu quả công cụ tài chính - tín dụng để phát triển CNSXHTD trên địa bàn Hà Nội.

Luận án đã nêu ra một số kiến nghị ở tầm vĩ mô và vi mô nhằm hỗ trợ các giải pháp đã nêu trong luận án.

Phát triển CNSXHTD là một trong những mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế đất nước, đòi hỏi một hệ thống các giải pháp đồng bộ, hữu hiệu. Do đó, việc sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng có ý nghĩa rất quan trọng.

Tác giả luận án hy vọng đóng góp một phần nhỏ bé về phương diện lý luận cũng như thực tiễn trong việc sử dụng công cụ tài chính - tín dụng ngân hàng để phát triển CNSXHTD.

**NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ  
CÓ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ.**

- 1- Thử nhìn lại nguyên nhân và giải pháp chống lạm phát ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay - Tạp chí Thông tin khoa học ngân hàng, số 1—1996.
- 2- Bàn thêm về lãi suất ngân hàng - Tạp chí Thông tin khoa học ngân hàng, số 3—1996.
- 3- Khai thông một số lực cản về mở tài khoản và phát hành séc cá nhân Tạp chí Ngân hàng, số 1—1996.
- 4- Bàn thêm về việc mở rộng dịch vụ thanh toán trong dân cư - Tạp chí Ngân hàng, số 2—1996.
- 5- Mở tài khoản cá nhân và phát hành séc cá nhân vì sao chậm - Tạp chí Tài chính, số 2—1996.
- 6- Giải quyết đồng bộ việc phát hành séc cá nhân - Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 2—1996.
- 7- Cần đổi mới phương pháp cấp tín dụng ngân hàng đối với thương nghiệp quốc doanh - Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, số 3—1996.
- 8- Ứng dụng công nghệ thông tin tại Ngân hàng công thương Hai Bà Trưng - Tạp chí Tin học ngân hàng, số 1—1996.
- 9- Một vài ý kiến về vốn đầu tư trong nước và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam - Tạp chí Thông tin khoa học ngân hàng, số 8—1996.
- 10- Một vài ý kiến về đầu tư tài chính và tín dụng ngân hàng phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở nước ta hiện nay - Tạp chí Thông tin khoa học ngân hàng, số 10—1996.